

Bản án số: 29/2022/DS-ST

Ngày: 31-5-2022

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hội)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phụng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Văn Hùng

2. Bà Quách Thị Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/TLST - DS ngày 07 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 03/2022/TB-TA ngày 16/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp C, xã Vĩnh P, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Tấn T, sinh năm 1970 và bà Lê Thị Buôn L, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang (đều có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2022, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:* Vợ chồng ông T và bà L là những thành viên tham các gia dây hội do bà làm chủ hội cụ thể:

- Dây hội ngày 16/11/2019 âm lịch (ngày 11/12/2019 dương lịch), hội áp giá 2.000.000 đồng, hội gồm 28 phần (28 chum), một tháng mở hội 01 lần, mở vào ngày 16 al hàng tháng, bị đơn vợ chồng ông T, bà L có tham gia 01 phần

hội (01 chung hội), bị đơn đã lĩnh hội (hốt hội) vào ngày 22/6/2020 al số tiền là 45.400.000 đồng, sau đó có góp hội lại được 11 lần hội chết với số tiền là 22.000.000 đồng, tháng 06/2021 al do dịch bệnh nên không mở hội (không khai hội), tháng 07/2021 al mở hội lại nhưng bị đơn không góp phần hội (không đóng hội chết) cho bà tính đến ngày 16/02/2022 al bị đơn còn nợ 08 lần hội chết với tổng số tiền là 16.000.000 đồng. Nay yêu cầu bị đơn trả số tiền hội còn thiếu 16.000.000 đồng, đây hội đã kết thúc ngày 16/02/2022 al.

- Dây hội ngày 10/02/2020 al (ngày 03/3/2020 dương lịch), hội áp giá 2.000.000 đồng, gồm 25 phần hội, một tháng mở hội 01 lần, mở vào ngày 10 al hàng tháng, bị đơn tham gia 01 phần hội, lĩnh hội vào ngày 15/9/2020 al số tiền 38.120.000 đồng, sau đó có góp hội lại được 08 lần hội chết với số tiền là 16.000.000 đồng, tháng 6/2021 al và tháng 7/2021 al do dịch bệnh không mở hội, đến tháng 08/2021 al mở hội lại nhưng bị đơn không có góp phần hội chết cho bà còn nợ 08 lần với số tiền là 16.000.000 đồng. Nay yêu cầu bị đơn trả số tiền hội còn thiếu 16.000.000 đồng, đây hội đã kết thúc vào ngày 10/3/2022 al.

- Dây hội ngày 10/4/2021 al (ngày 21/5/2021 dl), áp hội giá 2.000.000 đồng, gồm 25 phần hội, mỗi tháng mở hội 01 lần, mở vào ngày 10 al hàng tháng, bị đơn tham gia 02 phần hội, bị đơn đã lĩnh hội 01 phần hội (đã hốt 01 chung hội), còn 01 phần hội chưa lĩnh (tức còn 01 chung hội sống) cụ thể:

+ Bị đơn vợ chồng ông T, bà L lĩnh hội trong kỳ mở hội đầu tiên ngày 10/4/2021 al với số tiền là 36.920.000 đồng, sau khi lĩnh hội đã góp hội chết được 01 lần vào tháng 05/2021 al với số tiền 2.000.000 đồng, tháng 06/2021 al và 07/2021 al do dịch bệnh không mở hội, tháng 8/2021 al tiếp tục mở hội nhưng không góp với lý do bà chưa cho hốt dây hội 3.000.000 đồng mở ngày 20/01/2021 al nên từ đó phát sinh tranh chấp giữa các bên dẫn đến việc bị đơn không góp hội chết, hội sống cũng không góp luôn. Nguyên đơn bà D có nộp thay phần hội chết của bị đơn vợ chồng ông T, bà L để giao cho các thành viên khác trong mỗi kỳ mở hội từ ngày 10/8/2021 al cho đến 10/4/2022 al là 9 lần với số tiền 18.000.000 đồng, đây hội chưa kết thúc còn phải tiếp tục mở hội 14 lần tính từ 10/5/2022 al cho đến 10/6/2023 al. Nay yêu cầu trả số tiền hội chết đã nộp thay là 18.000.000 đồng và yêu cầu 14 lần hội x 1.580.000 đồng = 22.120.000 đồng.

+ Đối với 01 phần hội sống dây hội ngày 10/4/2021 al bị đơn vợ chồng ông T, bà L đã góp được 02 lần tháng 4/2021 al và tháng 5/2021 al với tổng số tiền là 3.080.000 đồng, ngày 10/06/2021 al và ngày 10/07/2021 al do dịch bệnh

nên không mở hội, đến 10/8/2021 tiếp tục mở hội lại nhưng bị đơn không góp nữa. Nay bà đồng ý khấu trừ số tiền 3.080.000 đồng cho bị đơn, trường hợp bị đơn không chịu khấu trừ mà yêu cầu bà trả thì bà vẫn đồng ý trả lại cho bị đơn số tiền đã nhận là 3.080.000 đồng.

- Dây hội ngày 20/01/2021 al, hội áp giá 3.000.000 đồng, gồm 25 phần hội, mỗi tháng mở hội một lần, bị đơn có tham gia 02 phần hội đã góp được 05 lần là 23.480.000 đồng (01 phần hội góp được 05 lần là 11.740.000 đồng). Ngày 20/6/2021 al do dịch bệnh nên không mở hội, đến ngày 20/07/2021 al tiếp tục mở hội thì bị đơn có điện thoại tham gia bỏ thăm đưa ra mức lãi cao nhất là 680.000 đồng, thăm giá cao được quyền lĩnh hội nhưng do còn nợ hội chết của bà dây hội ngày 16/11/2019 al tháng 07/2021 al không đóng nên bà chưa cho lĩnh hội. Tuy nhiên, đến tháng 08/2021 al bà kêu bị đơn vợ chồng ông T, bà L bỏ thăm để lĩnh hội nhưng bị đơn không chịu mà tự bỏ ngan không tham gia nữa. Nay bà đồng ý khấu trừ số tiền 23.480.000 đồng cho bị đơn, trường hợp bị đơn không đồng ý khấu trừ mà yêu cầu bà trả thì bà vẫn đồng ý trả lại cho bị đơn số tiền đã nhận là 23.480.000 đồng.

Nay nguyên đơn bà D yêu cầu bị đơn vợ chồng ông T, bà L trả 08 lần hội chết số tiền 16.000.000 đồng của dây hội ngày 16/11/2019 al, yêu cầu trả 08 lần hội chết số tiền 16.000.000 đồng của dây hội ngày 10/02/2020 al, đối với dây hội ngày 10/4/2021 yêu cầu trả 09 lần hội chết đã góp thay cho bị đơn với số tiền là 18.000.000 đồng và yêu cầu 14 lần chưa mở hội với số tiền là 22.120.000 đồng. Bà D thống nhất rút các yêu cầu lãi suất đối với dây hội ngày 16/11/2019 al số tiền lãi là 1.500.000 đồng, dây hội ngày 10/02/2020 al và ngày 10/4/2021 tiền lãi là 2.400.000 đồng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi suất. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về 01 phần hội sống dây hội ngày 10/4/2021 al và 02 phần hội sống dây hội ngày 20/01/2021 al thì bà chỉ đồng ý trả số tiền đã nhận của bị đơn tổng cộng là 26.560.000 đồng.

***Bị đơn vợ chồng ông Đặng Tân T, bà Lê Thị Buôn L trình bày:***

- Dây hội ngày 16/11/2019 âm lịch, hội áp giá 2.000.000 đồng, gồm 28 phần hội, một tháng mở hội 01 lần, mở hội vào ngày 16 al hàng tháng, vợ chồng ông, bà có tham gia 01 phần hội của bà D, phần hội tham gia nêu trên đã lĩnh hội vào ngày 16/6/2020 al với số tiền 45.400.000 đồng, vợ chồng ông bà có góp hội lại cho bà D được 11 lần chết với số tiền là 22.000.000 đồng, tháng 06/2021 al do dịch bệnh nên không mở hội, đến tháng 07/2021 al có mở hội lại nhưng không có tham gia góp hội nữa nên thừa nhận còn nợ 08 lần hội chết với số tiền là

16.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền 16.000.000 đồng cho bà D.

- Dây hụi ngày 10/02/2020 al, hụi áp giá 2.000.000 đồng, gồm 25 phần hụi, một tháng mở hụi 01 lần, mở hụi vào ngày 10 al hàng tháng, vợ chồng ông bà có tham gia 01 phần hụi đã lĩnh hụi vào ngày 15/9/2020 al số tiền 38.120.000 đồng, sau đó có góp hụi lại được 08 lần hụi chết số tiền là 16.000.000 đồng, tháng 6/2021 al và tháng 7/2021 al do dịch bệnh không mở hụi, đến tháng 08/2021 al mở hụi tiếp nhưng ông bà không góp hụi chết, nay thừa nhận còn nợ 08 lần hụi chết với số tiền là 16.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền 16.000.000 đồng cho bà D.

- Dây hụi ngày 10/4/2021 al, hụi áp giá 2.000.000 đồng, gồm 25 phần hụi, tham gia hụi tháng, vợ chồng ông bà có tham gia 02 phần hụi, đã lĩnh hụi 01 phần và 01 phần chưa lĩnh còn hụi sống cụ thể:

+ Về 01 phần hụi đã lĩnh vào ngày mở hụi đầu tiên ngày 10/4/2021 al với số tiền là 36.920.000 đồng, sau đó có góp hụi chết được 01 lần là 2.000.000 đồng, đến tháng 06/2021 al và 07/2021 al do dịch bệnh không mở hụi, tháng 8/2021 al bà D mở hụi nhưng không có góp, bị đơn thừa nhận tính từ ngày 10/8/2021 al cho đến ngày 10/4/2022 al mở hụi 09 lần, dây hụi chưa chấm dứt còn 14 lần chưa thực hiện mở hụi, hụi kết thúc ngày 10/6/2023 al, bị đơn cho rằng thời điểm dịch bệnh vào tháng 08/2021 al phía bà D có nói kêu hoàn lại vốn số tiền 36.920.000 đồng, nhưng thời điểm đó vợ chồng ông bà cũng chưa hoàn vốn trả cho bà D được với lý do dịch bệnh khó khăn trong việc đi lại, có kêu bà D qua nhà vợ chồng ông bà lấy nhưng cũng không qua. Nay bị đơn chỉ đồng ý trả cho bà D số tiền mà vợ chồng ông bà đã nhận của bà D trước đây là 36.920.000 đồng, không thống nhất trả 09 lần hụi chết 18.000.000 đồng, không đồng ý trả 14 lần hụi theo yêu cầu của bà D.

+ Về 01 phần hụi sống chưa lĩnh thì vợ chồng ông T, bà L đã góp 02 lần vào tháng 4/2021 al và tháng 5/2021 al với số tiền là 3.080.000 đồng, số tiền trên đến nay bà D cũng chưa trả lại. Nay yêu cầu bà D trả 01 phần hụi đã góp được 02 lần theo giá có lãi là 4.000.000 đồng.

- Đối với dây hụi ngày 20/01/2021 al, hụi áp giá 3.000.000 đồng, gồm 25 phần hụi, một tháng mở hụi 01 lần, mở vào ngày 20 hàng tháng, vợ chồng ông T, bà L có tham gia 02 phần hụi đã góp được 05 lần từ 20/01/2021 al đến 20/5/2021 al với tổng số tiền là 23.480.000 đồng (01 phần hụi góp 05 lần là 11.740.000 đồng), số tiền trên bà D chưa trả lại. Nay yêu cầu bà D trả 02 phần hụi đã góp được 05 lần theo giá có lãi là 30.000.000 đồng.

Nay vợ chồng ông T, bà L đồng ý trả cho bà D 08 lần hội chết số tiền 16.000.000 đồng của dây hội ngày 16/11/2019 al, đồng ý trả 08 lần hội chết số tiền 16.000.000 đồng của dây hội ngày 10/02/2020 al, đồng ý trả số tiền 36.920.000 đồng đã hót dây hội ngày 10/4/2021 al tính đến hết thời điểm mãng hội. Đồng thời, vợ chồng ông T, bà L phản tố yêu cầu bà D trả 03 phần hội sống đã nuôi với tổng số tiền là 34.000.000 đồng.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D đối với bị đơn vợ chồng ông T, bà L về việc tranh chấp hợp đồng góp hội dây hội ngày 16/11/2019 al là 08 lần hội chết số tiền 16.000.000đ; dây hội ngày 10/02/2020 al 08 lần hội chết là 16.000.000đ; dây hội ngày 10/4/2021 nợ 09 lần hội chết là 18.000.000 đồng từ ngày 10/8/2021 al cho đến 10/4/2022 al. Đối với 14 lần hội từ ngày 10/4/2021 al đến ngày 10/6/2023 al của dây hội ngày 10/4/2021 al do chưa mở khai hội nên bà D chưa đủ điều kiện khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng ông T, bà L đối với nguyên đơn bà D về việc tranh chấp 01 phần hội sống dây hội ngày 10/4/2021 al và 02 phần hội sống dây hội ngày 20/01/2021 al tham gia của bà D theo giá gốc đã góp là 26.560.000 đồng và 50% tiền chênh lệch giữa mức hội gốc và lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn bà D khởi kiện bị đơn ông T, bà L có nơi cư trú tại ấp Cạnh Đèn 2, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

[2] *Về nội dung vụ án:* Yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông T, bà L trả số tiền hội chết 16.000.000 đồng của dây hội ngày 16/11/2019 al; yêu cầu bị đơn trả số tiền hội chết 16.000.000 đồng của dây hội ngày 10/02/2020; yêu cầu trả số tiền hội chết 09 lần là 18.000.000 đồng của dây hội ngày 10/4/2021 al và 14 lần hội đang thực hiện với số tiền là 22.120.000

đồng. Yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng ông T, bà L yêu cầu bà D trả số tiền hội sống đã nuôi 03 phần hội tổng cộng là 34.000.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy việc bị đơn vợ chồng ông T, bà L thừa nhận còn nợ bà D 08 lần hội chết số tiền 16.000.000 đồng của dây hội ngày 16/11/2019 al và 08 lần hội chết số tiền 16.000.000 đồng của dây hội ngày 10/02/2020 al nên căn cứ khoản 2 Điều 92 (*quy định các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*) của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định bị đơn vợ chồng ông T, bà L còn nợ hội chết của bà D dây hội ngày 16/11/2019 al số tiền 16.000.000 đồng, dây hội ngày 10/02/2020 al nợ số tiền 16.000.000 đồng, tổng cộng nợ 32.000.000 đồng hội chết là sự thật.

[4] Đối với dây hội ngày 10/4/2021 al bà D yêu cầu 09 lần hội chết với số tiền là 18.000.000 đồng và yêu cầu 14 lần hội chưa thực hiện mở hội với số tiền là 22.120.000 đồng. Bị đơn vợ chồng ông T, bà L khai nại do trước đây bà D có nói cho hoàn vốn nên nay vợ chồng ông bà chỉ đồng ý trả số tiền đã hót, không đồng ý theo yêu cầu của bà D. Hội đồng xét xử thấy rằng việc góp hội giữa các bên đều có xác lập hợp đồng bằng văn bản thể hiện nội dung là hội có lãi, có hoa hồng, hội viên nào hót xong thì hàng tháng phải đóng hội chết 2.000.000 đồng cho đến khi mãng hợp đồng. Như vậy, việc vợ chồng ông T, bà L sau khi đã lĩnh hội với số tiền 36.920.000 đồng thì phải có nghĩa vụ góp các phần hội chết cho bà D để bà D giao lại cho các thành viên khác được lãnh hội, góp cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh hội xong, nhưng thực tế bị đơn vợ chồng ông T, bà L không góp các phần hội đầy đủ cho bà D nên khi đến mỗi kỳ mở hội thì bà D phải có trách nhiệm nộp thay các phần hội của vợ chồng ông T, bà L để giao cho các thành viên khác từ ngày 10/8/2021 al cho đến 10/4/2022 al là 09 lần với tổng số tiền 18.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào Điều 16 (*nghĩa vụ của các thành viên*), Điều 17 (*quyền của chủ họ*), Điều 18 (*nghĩa vụ của chủ họ*) của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường là có căn cứ chấp nhận cho bà D về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông T, bà L 09 lần hội chết với số tiền là 18.000.000 đồng.

Riêng đối với 14 lần hội chưa thực hiện (từ 10/5/2022 al cho đến 10/6/2023 al) bà D yêu cầu nhưng phía bị đơn không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng do dây hội này chưa kết thúc còn đang thực hiện, phía bị đơn cũng chưa vi phạm nghĩa vụ gì đối với các lần này, việc bà D yêu cầu giải quyết các lần trên trong thời điểm này là chưa phù hợp, chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự nên cần phải được

đình chỉ giải quyết theo điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, sau này có tranh chấp bà D có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng ông T, bà L đối với 03 phần hội sổ đã góp cho bà D, cụ thể đây hội ngày 10/4/2021 al tham gia 01 phần hội đã góp hội được 02 lần với số tiền 3.080.000 đồng nhưng yêu cầu bà D trả số tiền là 4.000.000 đồng và đây hội ngày 20/01/2021 al tham gia 02 phần hội đã góp hội được 05 lần với số tiền 23.480.000 đồng nhưng yêu cầu bà D trả là 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa, vợ chồng ông T, bà L xác định vào ngày 20/07/2021 al vợ chồng ông bà không tiếp tục góp hội cho bà D là do lỗi ở bà D vì không cho vợ chồng ông bà lĩnh hội trong khi vợ chồng ông bà đã bỏ thăm giá cao so với thành viên khác, còn phía nguyên đơn bà D thì xác định do vợ chồng bị đơn còn nợ hội chết của bà đây hội ngày 16/11/2019 al tháng 7/2021 al chưa góp hội chết nên tạm thời chưa cho hốt nhưng đến tháng 8/2021 al có tiếp tục kêu bị đơn bỏ thăm để hốt nhưng bị đơn vợ chồng ông T, bà L không chịu mà ngưng luôn không góp nữa cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, việc chơi hội giữa các bên là có lãi, hoa hồng, mỗi kỳ mở hội bà D được nhận tiền hoa hồng nên có trách nhiệm gom hội giao cho các hội viên, phần lãi chênh lệch của mỗi lần mở hội do các hội viên hưởng và chịu. Mặc khác, hợp đồng không có quy định việc thiếu hội chết thì không cho lĩnh hội, bà D cho rằng khi áp hội bị đơn hứa nuôi đến măng hội nhưng không được bị đơn thừa nhận, bà D cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Do đó, việc bà D không cho vợ chồng ông T, bà L lĩnh hội là có phần lỗi của bà D. Tuy nhiên, đến tháng 8/2021 al bà D kêu vợ chồng ông T, bà L tiếp tục tham gia góp để lĩnh hội nhưng bị đơn không chịu mà tự ý đơn phương chấm dứt hội không góp nữa cho bà D nên cũng có phần lỗi của mình trong việc này, do hai bên đều có phần lỗi của mình làm cho các dây không thể tiếp tục được nữa nên mỗi bên phải cùng nhau chịu một phần rủi ro. Vì vậy, số tiền lãi chênh lệch các bên tranh chấp là 7.440.000 đồng sẽ được Hội đồng xét xử xác định chia đôi tương ứng với phần lỗi của các bên, theo đó tiền lãi bị đơn ông T, bà L được hưởng là 3.720.000 đồng. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn bà D đối với 03 phần hội trong đó gốc là 26.560.000 đồng và phần lãi là 3.720.000 đồng, tổng cộng là 30.280.000 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D, nghĩ nên buộc bị đơn vợ chồng ông T, bà L trả số tiền hội chết đây hội ngày 16/11/2019 al là 16.000.000đ; đây hội ngày 10/02/2020

al là 16.000.000đ; đây hội ngày 10/4/2021 al là 09 lần hội chết 18.000.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn vợ ông T, bà L đối với nguyên đơn bà D về việc tranh chấp 01 phần hội sống đây hội ngày 10/4/2021 al và 02 phần hội sống đây hội ngày 20/01/2021 al đã tham gia hội của bà D với tổng số tiền được chấp nhận là 30.280.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu lãi suất do nguyên đơn đã rút yêu cầu. Đình chỉ đối với yêu cầu 14 lần hội chưa thực hiện (từ 10/5/2022 al cho đến 10/6/2023 al) do bà D chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

[6] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị đơn vợ chồng ông T, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận một phần tiền hội chết với số tiền là 50.000.000 đồng và chịu án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn không được Tòa án chấp nhận với số tiền 3.620.000 đồng. Tổng cộng giá trị là 53.620.000 đồng nên số tiền án phí bị đơn phải chịu là  $53.620.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.681.000 \text{ đồng}$ .

- Nguyên đơn bà D phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng ông T, bà L được Tòa án chấp nhận một phần với số tiền 30.380.000 đồng  $\times 5\% = 1.514.000 \text{ đồng}$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 15, Điều 18, Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biên, phường; Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*



**1 -** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D về việc tranh chấp hợp đồng góp họ (hụi) đối với bị đơn ông Đặng Tấn T, bà Lê Thị Buôn L. Buộc vợ chồng ông T, bà L trả cho bà D số tiền hụi chết đây hụi ngày 16/11/2019 al 08 lần là 16.000.000đ; đây hụi ngày 10/02/2020 al nợ hụi chết 08 lần là 16.000.000đ; đây hụi ngày 10/4/2021 al nợ 09 lần hụi chết là 18.000.000 đồng từ ngày 10/8/2021 al cho đến 10/4/2022 al.

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị D về 14 lần hụi từ ngày 10/5/2022 al đến ngày 10/6/2023 al đây hụi ngày 10/4/2021 al do các lần này chưa thực hiện mở hụi nên nguyên đơn bà D chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật, bà D có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có đủ điều kiện khởi kiện.

**2 -** Chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của bị đơn vợ chồng ông T, bà L đối với bà D về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc bà D trả cho vợ chồng ông T, bà L số tiền hụi là 30.280.000 đồng. Xác định 01 phần hụi sống đây hụi ngày 10/4/2021 al và 02 phần hụi sống đây hụi ngày 20/01/2021 al mà vợ chồng ông T, bà L tham gia hụi của bà D được chấm dứt.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án mà vợ chồng ông T, bà L không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền cho bà D thì vợ chồng ông T, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Đồng thời kể từ ngày vợ chồng ông T, bà L có đơn yêu cầu thi hành án mà ông bà D không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền cho vợ chồng ông T, bà L thì bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

**3 -** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu lãi suất đây hụi ngày 16/11/2019 số tiền 1.500.000 đồng, đây hụi ngày 10/02/2020 và đây hụi ngày 10/4/2021 là 2.400.000 đồng do nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đã rút toàn bộ yêu cầu về tiền lãi.

#### **4 - Về án phí:**

Buộc bị đơn vợ chồng ông Đặng Tấn T, bà Lê Thị Buôn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.681.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí vợ chồng ông T, bà L đã nộp số tiền 850.000 đồng theo biên lai số 0003827 ngày 21/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận. Vợ chồng ông T, bà L còn phải nộp thêm 1.831.000 đồng.

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.514.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp số tiền

1.247.500 đồng theo biên lai số 0003707 ngày 27/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận. Bà D còn phải nộp thêm 266.500 đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5** - Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/5/2022)./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Phụng**